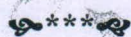


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2016**

NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

MẪU B01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016		31/12/2015	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.200.304.687		96.309.233.900	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	60.211.740.638		55.240.656.991	
1. Tiền	111		21.411.740.638		5.440.656.991	
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.800.000.000		49.800.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-		-	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.938.430.679		16.915.027.028	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.572.252.254		3.266.712.815	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.731.260.242		11.051.177.249	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.322.294.697		4.284.513.478	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.687.376.514)		(1.687.376.514)	
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	16.276.938.575		16.205.554.599	
Hàng tồn kho	141		16.276.938.575		16.205.554.599	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.773.194.795		7.947.995.282	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.428.519.706		1.231.533.332	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.344.675.089		6.716.461.950	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-		-	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-		-	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-		-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		321.332.966.792		309.279.089.557	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.901.515		112.343.501	
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.901.515		112.343.501	
II. Tài sản cố định	220		209.766.139.017		219.394.000.337	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	209.474.521.042		219.161.799.034	
Nguyên giá	222		609.340.540.571		609.244.763.723	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(399.866.019.529)		(390.082.964.689)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	291.617.975		232.201.303	
Nguyên giá	228		3.600.946.666		3.440.946.666	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.309.328.691)		(3.208.745.363)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	39.502.579.058		19.245.739.006	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		39.502.579.058		19.245.739.006	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.330.000		8.330.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	8.330.000		8.330.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		72.053.017.202		70.518.676.713	
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	72.053.017.202		70.518.676.713	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		428.533.271.479		405.588.323.457	

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		220.022.723.640	194.258.365.654
I. Nợ ngắn hạn	310		190.550.041.617	164.552.404.038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	99.834.041.102	56.477.339.535
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.215.273.366	1.437.322.226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.235.815.849	10.035.201.600
4. Phải trả người lao động	314		4.425.799.221	12.195.488.475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	55.221.191.109	64.157.915.986
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	15.765.260.320	15.619.696.967
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1.871.153.949	2.502.862.548
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	981.506.701	2.126.576.701
II. Nợ dài hạn	330		29.472.682.023	29.705.961.616
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	21.773.562.939	22.006.842.532
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	7.699.119.084	7.699.119.084
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.510.547.839	211.329.957.803
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	208.510.547.839	211.329.957.803
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.992.092.191	51.992.092.191
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.518.455.648	29.337.865.612
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tru</i>	<i>421a</i>		<i>29.337.865.612</i>	<i>1.730.953.020</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(2.819.409.964)</i>	<i>27.606.912.592</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		428.533.271.479	405.588.323.457

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2016



Lai Thị Thu
LẠI THỊ THU
 Kế toán trưởng

Vũ Thị Như Quỳnh
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

MÀU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		229.245.164.940	199.312.761.107
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		25.599.511	55.947.109
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	229.219.565.429	199.256.813.998
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	224.124.703.294	187.843.471.520
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.094.862.135	11.413.342.478
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	488.944.587	541.374.514
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	284.929.508	360.611.407
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		284.929.508	360.611.407
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.362.794.023	1.994.041.757
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.961.766.269	4.200.703.979
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.025.683.078)	5.399.359.849
11. Thu nhập khác	31		348.162.476	281.275.432
12. Chi phí khác	32		141.889.362	(1.462.169.505)
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	206.273.114	1.743.444.937
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.819.409.964)	7.142.804.786
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	1.525.520.206
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.819.409.964)	5.617.284.580
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	(217)	432
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	(217)	432

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2016



(Signature)
LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

(Signature)
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu B 03-DN Đơn vị tính: VND	
			Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế				
2. Điều chỉnh cho các khoản	01		(2.819.409.964)	7.142.804.786
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.883.638.168	9.169.899.645
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(488.944.587)	(541.374.514)
- Chi phí lãi vay	06		284.929.508	360.611.407
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.860.213.126	16.131.941.324
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.608.480.360)	(11.657.678.310)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(71.383.976)	1.916.578.947
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		15.104.903.475	(2.544.687.978)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.731.326.864)	(706.017.001)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(284.929.508)	(360.611.407)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.941.932.760)	(7.329.690.765)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		62.000.000	747.460.416
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.207.070.000)	(2.547.025.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.181.993.133	(6.349.730.085)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.134.451.030)	(10.377.484.908)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	8.800.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		555.250.143	725.965.066
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.579.200.887)	(851.519.842)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(631.708.599)	(906.951.983)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.803.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(631.708.599)	(918.755.733)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.971.083.647	(8.120.005.660)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		55.240.656.991	40.534.586.598
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	60.211.740.638	32.414.580.938

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2016



Lai Thị Thu
LAI THỊ THU
 Kế toán trưởng

Vũ Thị Như Quỳnh
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2016

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

-Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

-Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 13.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-08) 3 9552 354
- Fax : (84-08) 3 9550 424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 447 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 416 người).

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.2, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ kế toán năm thứ 10 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty Cổ Phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho kỳ kế toán năm bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phụ không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được kết chuyển vào “Tài sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn mới và thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 7 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2016	31/12/2015
Tiền mặt	26.054.181	9.821.995
Tiền gửi ngân hàng	21.211.740.638	5.430.834.996
Các khoản tương đương tiền (i)	38.800.000.000	49.800.000.000
Cộng	60.211.740.638	55.240.656.991

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại Cổ Phần Sài Gòn chi nhánh Bình Tây 5%/.

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a) <i>Ngắn hạn</i>	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
b) <i>Dài hạn</i>	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Các khoản đầu tư khác (i)	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Cộng	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000

(i) Khoản đầu tư khác phản ánh khoản tiền mua 922 cổ phiếu của ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	10.572.252.254	1.364.979.335	3.266.712.815	1.364.979.335
Cộng	10.572.252.254	1.364.979.335	3.266.712.815	1.364.979.335

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	170.930.290	-	4.824.731	-
Cộng	170.930.290	-	4.824.731	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	42.842.836	42.842.836
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	530.176.060	530.176.060
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.614.682.386	1.614.682.386
Công ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
Công ty QL CTGT Sài Gòn	415.888.098	146.817.731
Công ty CP Xây dựng số 5	-	2.674.701.596
Công ty TNHH TMXD KT Cơ Điện Toàn Cầu	-	2.040.421.722
Công ty TNHH DV TM TK Thành Mỹ	66.169.950	322.088.250
Công ty TNHH MTV TMDV & KT Ánh Sáng Việt		1.255.928.710
Nhà cung cấp khác	1.759.417.238	1.121.434.284
Cộng	<u>5.731.260.242</u>	<u>11.051.177.249</u>

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	530.176.060	530.176.060
Cộng	<u>530.176.060</u>	<u>530.176.060</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>31/03/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu ngắn hạn khác				
a) Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	4.322.294.697	322.397.179	4.284.513.478	322.397.179
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	2.912.097.616	-	2.907.196.636	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.030.333.955	-	937.765.459	-
	-	-	66.305.556	-
Phải thu khác	344.936.104	322.397.179	345.221.745	322.397.179
Tạm ứng	34.927.022	-	28.024.082	-
Phải thu dài hạn khác				
b) Ký quỹ dài hạn	2.901.515	-	112.343.501	-
	2.901.515	-	112.343.501	-
Cộng	<u>4.325.196.212</u>	<u>322.397.179</u>	<u>4.752.892.517</u>	<u>322.397.179</u>

Trong đó phải thu khác là các bên liên quan

	<u>31/03/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.912.097.616	-	2.907.196.636	-
Cộng	<u>2.912.097.616</u>	<u>-</u>	<u>2.907.196.636</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/03/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.735.661.841	1.370.682.506	1.364.979.335	2.735.661.841	1.370.682.506	1.364.979.335
Phải thu ngắn hạn khác	322.397.179	-	322.397.179	322.397.179	-	322.397.179
Cộng	3.058.059.020	1.370.682.506	1.687.376.514	3.058.059.020	1.370.682.506	1.687.376.514

7. Hàng tồn kho

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.183.703.294	-	12.100.016.476	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	93.235.281	-	4.105.538.123	-
Cộng	16.276.938.575	-	16.205.554.599	-

8. Chi phí trả trước

	31/03/2016	31/12/2015
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.428.519.707	1.231.533.332
Công cụ dụng cụ	1.694.119.707	486.333.332
Phần mềm diệt virus	-	-
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	734.400.000	745.200.000
b) Chi phí trả trước dài hạn	72.053.017.201	70.518.676.713
Chi phí sửa chữa văn phòng	691.903.531	691.903.531
Gắn đồng hồ nước theo NĐ 117	61.212.702.134	55.956.976.215
Công trình cải tạo ống mục	1.993.737.670	9.759.654.597
Thay đồng hồ nước	8.032.006.836	3.987.475.340
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	122.667.030	122.667.030
Cộng	74.481.536.908	71.750.210.045

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2016	238.574.000	1.591.052.486	593.371.660.418	14.043.476.819	609.244.763.723
Tăng trong năm	(238.574.000)	-	9.830.848	324.520.000	95.776.848
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng theo quyết toán	-	-	39.137.852	324.520.000	363.657.852
Giảm trong năm	(238.574.000)	-	(29.307.004)	-	(267.881.004)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm nguyên giá theo quyết toán	(238.574.000)	-	(29.307.004)	-	(267.881.004)
Bồi thường di dời	-	-	-	-	-
31/03/2016	-	1.591.052.486	593.381.491.266	14.367.996.819	609.340.540.571
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2016	238.555.998	1.474.523.035	380.467.583.744	7.902.283.910	390.082.964.689
Tăng trong năm	-	14.564.259	9.417.129.430	589.935.151	10.021.628.840
Khấu hao trong năm	-	14.564.259	9.417.129.430	589.935.151	10.021.628.840
Giảm trong năm	(238.574.000)	-	-	-	(238.574.000)
Bồi thường di dời	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	(238.574.000)	-	-	-	(238.574.000)
31/03/2016	(18.002)	1.489.087.294	389.884.713.174	8.492.219.061	399.866.019.529

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị còn lại					
31/12/2015	18.002	116.529.451	212.904.076.674	6.141.192.909	219.161.799.034
31/03/2016	18.002	101.965.192	203.496.778.092	5.875.777.758	209.474.521.042

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
01/01/2016	3.440.946.666	3.440.946.666
Tăng trong năm	160.000.000	160.000.000
<i>Do mua sắm</i>	<i>160.000.000</i>	<i>160.000.000</i>
Giảm trong năm	-	-
31/03/2016	3.600.946.666	3.600.946.666
II. Hao mòn lũy kế		
01/01/2016	3.208.745.363	3.208.745.363
Tăng trong năm	100.583.328	100.583.328
Giảm trong năm	-	-
31/03/2016	3.309.328.691	3.309.328.691
III. Giá trị còn lại		
31/12/2015	232.201.303	232.201.303
31/03/2016	291.617.975	291.617.975

11. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2016	31/12/2015
Xây dựng cơ bản dở dang		
Sửa chữa nhà làm việc	17.727.512.378	7.833.443.562
Công trình di dời đường ống	3.947.673.882	3.947.673.882
Công trình chống thất thoát nước	333.925.030	308.420.207
Công trình cải tạo ống mục	3.040.561.042	2.863.212.681
Công trình ống cái	1.715.952.440	1.420.449.071
Phát triển mạng lưới	12.736.954.285	2.872.539.603
Cộng	39.502.579.058	19.245.739.006

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	87.363.420.113	87.363.420.113	55.138.494.438	55.138.494.438
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	46.138.338	46.138.338	238.751.944	238.751.944
	251.612.154	251.612.154	251.612.154	251.612.154
Nhà cung cấp khác	12.172.870.497	12.172.870.497	848.480.999	848.480.999
Cộng	99.834.041.102	99.834.041.102	56.477.339.535	56.477.339.535

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Trong đó phải trả người bán là bên liên quan.**

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	87.363.420.113	87.363.420.113	55.138.494.438	55.138.494.438
Cộng	87.363.420.113	87.363.420.113	55.138.494.438	55.138.494.438

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2016	31/12/2015
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Truy thu tiền thất thoát nước	200.072.120	298.145.395
Thu tiền nước khách hàng	3.060.653.733	
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	106.372.270	106.872.270
Ban Quản Lý Dự Án Cải tạo Kênh Ba Bò	610.065.610	610.065.610
Các khách hàng khác	238.109.633	372.239.112
Cộng	4.215.273.366	1.437.322.226

Trong đó người mua trả tiền trước là bên liên quan

	31/03/2016	31/12/2015
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Cộng	49.999.839	49.999.839

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2016
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.941.932.760	-	2.941.932.760	-
Thuế thu nhập cá nhân	185.284.438	742.634.918	897.815.977	30.103.379
Các loại thuế khác	6.907.984.402	22.014.899.548	20.717.171.480	8.205.712.470
- Phí bảo vệ môi trường	6.907.984.402	22.011.899.548	20.714.171.480	8.205.712.470
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	10.035.201.600	22.757.534.466	24.556.920.217	8.235.815.849

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2016	31/12/2015
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	28.364.186.308	35.383.747.148
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	26.857.004.801	27.131.148.697
Trích trước chi phí cung cấp dịch vụ	-	1.508.738.651
Thù lao HĐQT	-	108.000.000
Chi phí đầu tư ống cái phát triển ống cái cấp 3 không hoàn lại	-	-
Chi phí dự án di dời DD01/13	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Phí dịch vụ kiểm toán	-	-
Chi phí kinh phí Đảng	-	26.281.490
Cộng	<u>55.221.191.109</u>	<u>64.157.915.986</u>
16. Phải trả khác		
a) Phải trả ngắn hạn khác	15.765.260.320	15.619.696.967
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	11.695.848.413	11.695.848.413
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	68.000.000	68.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	6.884.766	6.884.766
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.760.715.663	2.871.100.397
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	221.343.074	5.394.988
Cổ tức phải trả cho cổ đông	955.091.956	955.091.956
Các khoản phải trả khác	17.376.448	17.376.447
b) Phải trả dài hạn khác	21.773.562.939	22.006.842.532
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	21.773.562.939	22.006.842.532
Cộng	<u>37.538.823.259</u>	<u>37.626.539.499</u>
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	11.695.848.413	11.695.848.413
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	68.000.000	68.000.000
Cộng	<u>11.763.848.413</u>	<u>11.763.848.413</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ tài chính

	01/01/2016		Trong kỳ		31/03/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.502.862.548	2.502.862.548	-	631.708.599	1.871.153.949	1.871.153.949
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.17b (i))	2.502.862.548	2.502.862.548	-	631.708.599	1.871.153.949	1.871.153.949
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.699.119.084	7.699.119.084	-	-	7.699.119.084	7.699.119.084
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i)	7.699.119.084	7.699.119.084	-	-	7.699.119.084	7.699.119.084
Cộng	10.201.981.632	10.201.981.632	-	631.708.599	9.570.273.033	9.570.273.033

(i) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo các hợp đồng sau :

- [1] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay : 1.666.800.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 46.300.000 VND
+ Lãi vay : 8,4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
- [2] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay : 5.688.000.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 158.000.000 VND
+ Lãi vay : 8,4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo	: Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
[3] - Hợp đồng vay	: Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT – KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009
+ Hạn mức vay	: 705.845.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc	Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 19.606.805 VND, kỳ 36 trả 19.606.825 VND
+ Lãi vay	: 8,4%/năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
[4] - Hợp đồng vay	: Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010
+ Hạn mức vay	: 108.942.413 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc	Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 3.026.178 VND, kỳ 36 trả 3.026.183 VND
+ Lãi vay	: 8,4%/năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
[5] - Hợp đồng vay	Số 3703/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay	2.555.536.000 VND
+ thời gian ân hạn	1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới kỳ 35 là 70.987.000 VND; Kỳ 36 là 70.991.000 VND)
+ Lãi vay	11,4%/ năm
+ Thời hạn vay	10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- | | |
|----------------------------|--|
| [6] - Hợp đồng vay | Số 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012 |
| + Hạn mức vay | 5.239.758.000 VND |
| + thời gian ân hạn | 1 năm |
| + Kỳ hạn thanh toán nợ gốc | Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) |
| - Từ kỳ 1 tới 35 : | Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.272.000/ kỳ
Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.276.000/ kỳ |
| - Kỳ 36 | Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.293.000/ kỳ
Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.285.000/ kỳ |
| + Lãi vay | 11,4%/ năm |
| + Thời hạn vay | 10 năm |
| + Kỳ hạn thanh toán lãi | 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý |
| + Mục đích vay | : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước. |
| + Tài sản đảm bảo | : Tài sản hình thành từ vốn vay |
| [7] - Hợp đồng vay | Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012 |
| + Hạn mức vay | 8.155.804.000 VND |
| + thời gian ân hạn | 1 năm |
| + Kỳ hạn thanh toán nợ gốc | Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 226.550.000 VND; Kỳ 36 là 226.554.000 VND) |
| + Lãi vay | 11,4%/ năm |
| + Thời hạn vay | 10 năm |
| + Kỳ hạn thanh toán lãi | 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý |
| + Mục đích vay | : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước. |
| + Tài sản đảm bảo | : Tài sản hình thành từ vốn vay |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Trong vòng 1 năm	2.494.871.932	2.502.862.548
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	5.966.162.425	6.406.633.426
Sau 5 năm	1.109.238.676	1.292.485.658
Cộng	<u>9.570.273.033</u>	<u>10.201.981.632</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(2.494.871.932)</u>	<u>(2.502.862.548)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>7.075.401.101</u>	<u>7.699.119.084</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Tại ngày 31 tháng 03
2015					
Quỹ khen thưởng	1.965.176.420	-	34.000.000	1.628.670.000	370.506.420
Quỹ phúc lợi	860.269.135	-	300.000	449.200.000	411.369.135
Cộng	2.825.445.555	5.477.379.955	46.030.000	6.222.278.809	2.126.576.701
2016					
Quỹ khen thưởng	1.453.477.511	-	62.000.000	1.168.270.000	347.207.511
Quỹ phúc lợi	673.099.190	-		38.800.000	634.299.190
Cộng	2.126.576.701	-	62.000.000	1.207.070.000	981.506.701

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2015	130.000.000.000	46.441.673.683	-	27.058.751.483	203.500.425.166
Lãi trong năm trước	-	-	-	27.606.912.592	27.606.912.592
Trích lập các quỹ ĐTPPT –DPTC	-	5.550.418.508	-	(5.550.418.508)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.477.379.955)	(5.477.379.955)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(14.300.000.000)	(14.300.000.000)
31/12/2015	130.000.000.000	51.992.092.191	-	29.337.865.612	211.329.957.803
31/12/2015	130.000.000.000	51.992.092.191	-	29.337.865.612	211.329.957.803
Lãi trong năm nay	-	-	-	(2.819.409.964)	(2.819.409.964)
Trích lập các quỹ ĐTPPT –DPTC	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-
31/03/2016	130.000.000.000	51.992.092.191	-	26.518.455.648	208.510.547.839

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2		31/03/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	2.766.520.000	2,13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	14.200.000.000	10,92	14.200.000.000	14.200.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	40.724.480.000	31,33	40.724.480.000	40.724.480.000
Cộng	130.000.000.000	100,00	130.000.000.000	130.000.000.000

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/03/2015</u>
Doanh thu thuần		
Doanh thu cung cấp nước	225.510.368.197	196.731.677.900
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.709.197.232	2.525.136.098
Cộng	<u>229.219.565.429</u>	<u>199.256.813.998</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/03/2015</u>
Giá vốn cung cấp nước	223.065.271.063	185.737.892.464
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.059.432.231	2.105.579.056
Cộng	<u>224.124.703.294</u>	<u>187.843.471.520</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	445.583.444	515.934.554
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.361.143	25.439.960
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	<u>488.944.587</u>	<u>541.374.514</u>

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	284,929,508	360.611.407
Cộng	284,929,508	360.611.407
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	1.896.273.432	1.680.861.307
Chi phí công cụ, dụng cụ	107.152.500	2.323.000
Chi phí khấu hao	129.668.058	99.940.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	229.700.033	210.917.307
Cộng	2.362.794.023	1.994.041.757
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.260.144.002	3.021.642.555
Chi phí vật liệu quản lý	216.049.341	
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	30.455.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	733.558.402	294.684.970
Thuế, phí và lệ phí	18.427.078	23.321.578
Chi phí dự phòng giảm giá	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	1.733.587.446	830.599.876
Cộng	5.961.766.269	4.200.703.979
7. Lợi nhuận khác		
Thu nhập khác	348.162.476	281.275.432
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	5.454.546	21.818.184
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	324.713.228	253.980.533
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước		
Thu nhập khác	17.994.702	5.476.715
Chi phí khác	141.889.362	(1.462.169.505)
Chi phí hồ sơ mời thầu	-	325.510.205
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	-	-
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	133.836.453	(2.326.728.549)
Chi phí bồi thường, di dời	-	-
Chi phí khác	8.052.909	539.048.839
Lợi nhuận khác thuần	206.273.114	1.743.444.937
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	31/03/2016	31/03/2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.819.409.964)	7.142.804.786
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	(5.879.463.158)	4.799.039.700
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	3.060.053.194	2.343.765.086
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	45%	48%

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/03/2015</u>
Thu nhập tính thuế	(2.819.409.964)	7.142.804.786
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	(2.629.298.572)	2.294.842.369
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	(3.250.164.586)	2.504.197.331
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	3.060.053.194	2.343.765.086
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	5%	5%
- Đối với hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	-	1.525.520.206
Thuế TNDN giảm theo BB thanh tra thuế	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.525.520.206

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2016 là năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/03/2015</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.819.409.964)	5.617.284.580
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.819.409.964)	5.617.284.580
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(217)	432

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.819.409.964)	5.617.284.580
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.819.409.964)	5.617.284.580
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(2.819.409.964)	5.617.284.580
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(217)	432
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nước sạch	185.221.843.252	143.751.622.851
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.208.210.739	13.367.370.507
Chi phí nhân công	17.404.821.640	17.194.846.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.122.212.168	8.759.984.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	2.370.652.401	8.831.799.010
Cộng	232,449,263,586	191.905.623.702
VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
	31/03/2016	31/12/2015
Cổ tức chưa thanh toán	955.091.956	955.091.956
Lãi tiền gửi còn dự thu	-	66.305.556
2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
	31/03/2016	31/12/2015
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	66.305.556	302.321.664
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	-	115.476.892

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/03/2015</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	185.221.843.252	148.109.319.950
Mua vật tư	6.850.269.840	7.127.124.535
Thuê tài sản hoạt động	2.370.652.401	1.214.425.569
Lãi vay phải trả	-	360.611.407
Phải thu do chi hộ	32.059.260	-
Thi công trụ cứu hỏa	725.492.010	-

Công ty Công trình giao thông Công Chánh

Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	40.000.000	-
Phải thu do cung cấp dịch vụ	-	36.260.121

Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước

Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước	19.690.278	69.485.716
--	------------	------------

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	170.930.290	4.824.731
Phải thu các khoản chi hộ	2.912.097.616	2.907.196.636
Phải trả thương mại	(87.363.420.113)	(55.138.494.438)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB	(11.695.848.413)	(11.695.848.413)
Phải trả tiền vay	(9.570.273.033)	(10.201.981.632)

Công ty Công trình giao thông Công Chánh

Phải trả đặt cọc di dời đường ống	108.000.000	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	(49.999.839)	(49.999.839)

Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	530.176.060	530.716.060
---	-------------	-------------

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/03/2015</u>
Tiền lương	382.512.000	506.155.043
Các khoản bảo hiểm phải trả	11.787.621	9.865.277
Cộng	<u>394.299.621</u>	<u>516.020.320</u>

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16a và V.16b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/03/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Các khoản vay	9.570.273.033	10.201.981.632
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(60.211.740.638)</u>	<u>(55.240.656.991)</u>
Nợ thuần	(50.641.467.605)	(45.038.675.359)
Vốn chủ sở hữu	<u>208.510.547.839</u>	<u>211.447.957.207</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>(0,24)</u>	<u>(0,21)</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/03/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.211.740.638	60.211.740.638	55.240.656.991	55.240.656.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.207.272.919	9.207.272.919	1.901.733.480	1.901.733.480
Phải thu khác	2.592.601.952	2.592.601.952	2.763.448.514	2.763.448.514
Cộng	72.019.945.509	72.019.945.509	59.914.168.985	59.914.168.985
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	9.570.273.033	9.570.273.033	10.201.981.632	10.201.981.632
Phải trả người bán ngắn hạn	99.834.041.102	99.834.041.102	56.477.339.535	56.477.339.535
Chi phí phải trả ngắn hạn	55.221.191.109	55.221.191.109	64.157.915.986	64.157.915.986
Phải trả khác	37.310.595.419	37.310.595.419	37.614.259.745	37.614.259.745
Cộng	201.936.100.663	201.936.100.663	168.451.496.898	168.451.496.898

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giải định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2a và số V.2b.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/03/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.211.740.638	-	-	60.211.740.638
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.207.272.919	-	-	9.207.272.919
Phải thu khác	2.589.700.437	2.901.515	-	2.592.601.952
Cộng	72.008.713.994	11.231.515	-	72.019.945.509
Vay và nợ	2.494.871.932	5.966.162.425	1.109.238.676	9.570.273.033
Phải trả người bán ngắn hạn	99.834.041.102	-	-	99.834.041.102
Chi phí phải trả ngắn hạn	55.221.191.109	-	-	55.221.191.109
Phải trả khác	15.537.032.480	21.773.562.939	-	37.310.595.419
Cộng	173.087.136.623	27.739.725.364	1.109.238.676	201.936.100.663
Chênh lệch thanh khoản thuần	101.078.422.629	27.728.493.849	1.109.238.676	129.916.155.154
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.240.656.991	-	-	55.240.656.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.901.733.480	-	-	1.901.733.480
Phải thu khác	2.651.105.013	112.343.501	-	2.763.448.514
Cộng	59.793.495.484	120.673.501	-	59.914.168.985
Vay và nợ	2.502.862.548	6.406.633.426	1.292.485.658	10.201.981.632
Phải trả người bán ngắn hạn	56.477.339.535	-	-	56.477.339.535
Chi phí phải trả ngắn hạn	64.157.915.986	-	-	64.157.915.986
Phải trả khác	15.607.417.213	22.006.842.532	-	37.614.259.745
Cộng	138.745.535.282	28.413.475.958	1.292.485.658	168.451.496.898
Chênh lệch thanh khoản thuần	76.449.177.250	7.910.577.661	2.170.730.470	108.537.327.913

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2016



Lại Thị Thu
Kế toán trưởng

Vũ Thị Như Quỳnh
Người lập biểu